

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HS- ST
Ngày: 12 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Liêm.

Ông Trần Minh Trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiên, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiên, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng M – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiên, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2019/TLST - HS ngày 10 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST – HS ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/HSST – QĐ ngày 23/10/2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn V, sinh năm 1991, tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Khu vực B, khóm B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp ổn định; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V và bà Phạm Thị L (cha mẹ nuôi); tiền sự: Không; tiền án: 01 lần vào ngày 20 tháng 7 năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện U Minh xử phạt 02 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại Trại giam Cái Tàu, chưa được xóa án tích (ngoài ra trước đó bị cáo còn có 05 tiền án về các tội xâm phạm quyền sở hữu, nhưng đã được xóa án tích). Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam 45 ngày theo Quyết định tạm giam số 37/2019/HSST – QĐTG ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long “có mặt”.

Bị hại: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1957 “có mặt”.

Nơi cư trú: Ấp Tân T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Trương Văn H, sinh năm 1994 “ có mặt”.

Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981 “ vắng mặt”.

Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 30/4/2019 tại nhà của ông Phạm Văn V ở ấp Tân T, xã T, huyện N có ông Nguyễn Văn H là em vợ bà con của ông V từ tỉnh Bình Dương xuống nhà chơi, đến chiều cùng ngày ông H đi thị trấn N chơi để quên 01 đồng hồ đeo tay hiệu Police màu trắng, 01 vòng chuỗi đeo tay màu xanh ngọc bích, 01 chiếc nhẫn bạc trên tủ lạnh nhà ông V. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày ông H gọi điện thoại cho ông V để nhờ V mang các tài sản trên ra thị trấn N giùm, lúc này V nghe nên lấy các tài sản trên đeo vào tay và hỏi mượn xe Sirius biển kiểm soát 69L1 – 113.67 của ông V để đi, khi nào ông V gọi thì V mang tài sản đến cho ông H. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày ông V gọi điện thoại cho V nhưng V không nghe máy, lúc này V điều khiển xe đến thành phố C để tìm nơi bán xe nhưng không ai mua. Đến ngày 02/5/2019 V điều khiển xe đến tiệm sửa xe của anh Võ Minh Q ở ấp B, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau cầm xe 69L1 – 113.67 với giá 8.000.000 đồng. Khoảng 01 giờ sau V đến chuộc lại xe để bán cho anh Trương Văn H với giá 10.000.000 đồng, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Phạm Văn V và bảo hiểm dân sự xe mô tô. Khi bán xe xong V đi xe ôm đến thành phố C rồi thuê xe ô tô đến thành phố Cần Thơ chơi, tại đây V ở phòng trọ của bạn tên T ở quận N. Trong thời gian ở thành phố Cần Thơ, V tiêu xài hết tiền nên bán đồng hồ hiệu Police cho tiệm đồng hồ ở quận N với giá 2.000.000 đồng. Đến ngày 29/5/2019 V bị Công an huyện L, tỉnh Vĩnh Long bắt về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện L. Tại kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐ ngày 24/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ngọc Hiển kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 69L1 – 113.67 hiệu Sirius màu đỏ, đen có trị giá 19.760.000 đồng. Đối với 01 đồng hồ đeo tay hiệu Police, 01 nhẫn bạc màu

trắng, 01 vòng chuỗi hạt đeo tay màu ngọc bích Hội đồng định giá từ chối định giá vì thông tin, đặc điểm ba loại tài sản trên không đầy đủ để phục vụ công tác định giá. Trong quá trình điều tra bị can Phạm Văn V đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo chiếm đoạt xe máy nhằm mục đích để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tuy nhiên do bị cáo có một tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm nguy hiểm” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Đối với xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát số 69L1 – 113.67 đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu nên không đặt ra xem xét.

Đối với đồng hồ đeo tay hiệu Police màu trắng không thu hồi được do V không xác định được tiệm đồng hồ đã bán ở địa chỉ nào cụ thể; còn chiếc nhẫn bạc màu trắng và giấy bán xe V để quên ở phòng trọ của T ở thành phố Cần Thơ, do không xác định chính xác T ở địa chỉ nào cụ thể nên không thu hồi được; còn vòng chuỗi hạt đeo màu ngọc bích do V làm đứt nên để trong cốp xe 69L1 – 113.67, khi anh H mua xe mở cốp ra kiểm tra thấy vòng chuỗi bị đứt nên đã ném bỏ, không thu hồi được. Đối với người phụ nữ tên T bạn V ở thành phố Cần Thơ theo lời khai của V, qua xác minh chưa có căn cứ xác định T là ai, địa chỉ ở đâu.

Đối với anh Trương Văn H yêu cầu bị can trả lại số tiền 10.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT- VKS - NH ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiền truy tố bị cáo Phạm Văn V về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng.

Về trách nhiệm hình sự bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về trách nhiệm hình sự người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trương Văn H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trương Văn H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mua xe là 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiền vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn V từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trương Văn H số tiền 10.000.000 đồng.

Về vật chứng: Tài sản thu hồi trả lại cho bị hại nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo có lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định Tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ngọc Hiền, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiền, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào khoảng 17 giờ ngày 30 tháng 4 năm 2019 bị cáo Phạm Văn V mượn xe mô tô hiệu sirus biển kiểm soát 69L1 -113.67 của cha nuôi là ông Phạm Văn V ở ấp T, xã T, huyện N để đem đồ ra huyện N giùm cho ông V. Sau khi mượn được xe bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên bị cáo điều khiển xe đến thành phố C chơi và tìm nơi bán xe, không nghe điện thoại khi ông V gọi. Đến ngày 02 tháng 5 năm 2019 bị cáo điều khiển xe đến huyện U, tỉnh Cà Mau cầm cho anh Võ Minh Q với giá 8.000.000 đồng, khoảng 01 giờ sau bị cáo quay lại chuộc xe và bán cho anh Trương Văn H với giá 10.000.000 đồng sau đó bị cáo đến thành phố Cần Thơ chơi và tiêu xài hết tiền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/KL - HĐ ngày 24/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ngọc Hiển kết luận giá trị xe của bị hại tại thời điểm định giá có giá trị 19.760.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, cụ thể bị cáo lợi dụng niềm tin của bị hại khi bị hại cho bị cáo mượn xe và sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của bị hại. Bị cáo biết rõ tài sản của người khác không ai có quyền chiếm đoạt một cách trái pháp luật tuy nhưng với bản tính tham lam, lười lao động không muốn lao động để tạo ra đồng tiền bằng chính sức lao động của mình nên bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại một cách trái pháp luật. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Văn V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Để pháp luật được nghiêm minh thì hành vi của bị cáo được đưa ra xét xử trước phiên tòa hôm nay là cần thiết, để có thời gian giáo dục bị cáo thành người tốt đồng thời ngăn ngừa tội phạm. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự ở địa phương, vi phạm pháp luật hình sự nên cần được xử lý. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra.

[3] Xét về nhân thân của bị cáo có 01 tiền án, chưa được xóa án tích. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo được bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên xét về nhân thân của bị cáo: Bị cáo hiện nay chưa được xóa án tích theo bản án số 16/2017/HSST ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau và trước đó bị cáo có 05 tiền án về các tội danh xâm phạm quyền sở hữu tài sản tuy nhiên đã được xóa án tích.

Ngoài ra sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại thì tiếp theo bị cáo còn có 03 hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác hiện nay các Cơ quan tiến hành Tố Tụng tại huyện U, tỉnh Cà Mau; huyện L, tỉnh Vĩnh Long; thành phố Cần Thơ đang tiến hành xử lý theo quy định. Từ đó thể hiện bản tính xem thường pháp luật của bị cáo.

Hội đồng xét xử đã có sự cân nhắc, đánh giá mức độ, tính chất của vụ án xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và góp phần ngăn ngừa tội phạm. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cho bị cáo cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo để có mức án phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trương Văn H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 10.000.000 đồng. Xét thấy đây là số tiền bị cáo bán xe cho anh H, tại thời điểm mua xe anh H không biết đây là tài sản do người khác phạm tội mà có do đó bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho anh H số tiền 10.000.000 đồng.

Kể từ khi anh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chậm trả khoản tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[5] Về vật chứng: Bị hại đã nhận lại và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Ngoài ra đối với hành vi cầm xe của anh Võ Minh Q tại thời điểm cầm xe anh Q không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có và bị cáo cũng đã chuộc lại xe, trả tiền đầy đủ nên không đề cập xem xét.

Đối với các loại tài sản bị mất của ông Nguyễn Văn H là 01 đồng hồ đeo tay hiệu Police, 01 nhẫn bạc màu trắng, 01 vòng chuỗi hạt đeo tay màu Ngọc Bích Hội đồng định giá từ chối định giá vì thông tin, đặc điểm ba loại tài sản trên không đầy đủ để phục vụ công tác định giá, ông H cũng thống nhất kết luận định giá và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập xem xét giải quyết.

Đối với người phụ nữ tên T bạn của bị cáo ở thành phố Cần Thơ qua làm việc xác minh hiện nay chưa có cơ sở xác định hành vi của T có vi phạm pháp luật hay không nên không đề cập xử lý trong cùng vụ án. Đề nghị Cơ quan điều tra công an huyện Ngọc Hiền tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ hành vi của T và xử lý theo quy định pháp luật.

[7] Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải nộp $10.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 500.000 \text{ đồng}$.

[8] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 175; khoản 1 Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn V phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.
Xử phạt bị cáo Phạm Văn V 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585; 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trương Văn H số tiền 10.000.000 đồng.

Kể từ khi anh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chậm trả khoản tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về vật chứng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải nộp 500.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- CQĐT huyện Ngọc Hiển;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hoàng Tỷ

